

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2019/HS-ST**

Ngày 07/5/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đầu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Vũ Văn Hợp**

Nghề nghiệp: Giáo viên

Nơi công tác: Trường Trung học phổ thông huyện Châu Thành

2/ Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: Ủy ban nhân dân xã Giục Tượng, huyện Châu Thành

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Lý Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 01/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2019 về tội “Giữ người trái pháp luật” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ **Lê Vũ L** (C); sinh năm 1991; Nơi cư trú: ấp BB B, xã NY, huyện AB, tỉnh KG; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Ngư phủ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn D; sinh năm 1960 và bà Ngô M D; sinh năm 1960; Vợ thứ nhất tên Hồ Thị Bé N (đã ly hôn); Vợ thứ hai tên Nguyễn Thị Bích T; sinh năm 1987 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Tuy nhiên, vào ngày 24/02/2010 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh KG xử phạt 02 năm tù, về tội “Cướp tài sản”, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2010/HS-ST ngày 24/02/2010.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2018, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2/ **Nguyễn Thị Bích T**; sinh năm 1987; Nơi cư trú: ấp AN, xã BA, huyện CT, tỉnh KG; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn Đ; sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị C; sinh năm 1964; Chồng thứ nhất tên Nguyễn Văn V; sinh năm 1985 (đã ly hôn); Chồng thứ hai tên Lê Vũ L; sinh năm 1991 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được cho tại ngoại để điều tra, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho hai bị cáo: Ông **Phạm Văn C**- Luật sư, thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

3/ **Nguyễn Hoàng T**; sinh năm 1993; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Ngư phủ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn D; sinh năm 1976 và bà Lê Thị N; sinh năm 1974; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2018, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:

1/ Anh **Võ Văn N**; sinh năm 1980 (vắng mặt)

Trú tại: ấp TU 2, xã VH, huyện VL, tỉnh BL.

2/ Em **Ngô Tấn T**; sinh ngày 20/8/2001 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại: Bà **Trịnh Thị D**; sinh năm 1972 (mẹ ruột bị hại) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng trú tại: ấp NVR, xã BTĐ, huyện GR, tỉnh KG.

3/ Anh **Hứa Văn P**; sinh năm 1989 (vắng mặt)

Trú tại: Khu phố 4, phường AH, thành phố RG, tỉnh KG.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Lê Ngọc H**; sinh năm 1979 (vắng mặt)

Trú tại: ấp AB, xã BA, huyện CT, tỉnh KG.

2/ Ông **Danh N**; sinh năm 1976 (vắng mặt)

Trú tại: ấp BH, TT. ND, huyện HD, tỉnh BL.

Người làm chứng:

1/ Bà **Phan Thị N**; sinh năm 1973 (vắng mặt)

2/ Anh **Trần Đức H** (HH); sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng trú tại: ấp AB, xã BA, huyện CT, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ, ngày 17 tháng 7 năm 2018 lực lượng Công an huyện CT, tỉnh KG bắt quả tang tại căn nhà trọ ở ấp AB, xã BA, huyện CT, tỉnh KG do Nguyễn Hoàng T đang giữ người gồm: Võ Văn N, Ngô Tấn T, Danh N và Hứa Văn P, đồng thời tiến hành khám nghiệm hiện trường thu giữ gồm: 01 thanh gỗ vuông màu vàng chiều dài 46^{cm}, chiều rộng 4,7^{cm} và 01 ổ khóa nhãn hiệu Việt Tiệp màu vàng, trắng có gắn chìa khóa.

Tiến hành làm việc với những người bị bắt quả tang, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CT đã xác định được: Lê Vũ L và Nguyễn Thị Bích T đã chung sống với nhau như vợ chồng tại nhà trọ ở ấp AB, xã BA, huyện CT, tỉnh KG từ khoảng tháng 02 năm 2018 cho đến nay và sống bằng nghề đưa những người có nhu cầu đi ghe biển (ngư phủ) cho các tàu cá để hưởng hoa hồng mỗi một người là 1.000.000 đồng. Trong quãng thời gian này, L và T có thuê thêm một căn nhà trọ trên do Trần Văn H làm chủ để cho các ngư phủ ở, nhưng do sợ các ngư phủ bỏ trốn nên từ ngày 11/7/2018 đến ngày 17/7/2018 L và T kêu Nguyễn Hoàng T là ngư phủ đã từng được L và T đưa đi ghe biển trước đó canh giữ những ngư phủ chờ đi ghe biển do L và T tìm được, Nguyễn Hoàng T được L và T trả tiền sinh hoạt hằng ngày, tiêu xài cá nhân khi có nhu cầu, L và T giao ổ khóa cùng với chìa khóa cho Nguyễn Hoàng T giữ và quản lý ngư phủ khi L và T đưa các ngư phủ đến.

Diễn biến quá trình thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo L, T và Nguyễn Hoàng T như sau:

1. *Võ Văn N*: Vào ngày 11/7/2018 N đến Tắc Cậu gặp L và T xin đi ghe biển thì L và T đồng ý, T đưa tiền cho N tạm ứng trước 2.000.000 đồng, tiếp đó thì L cùng T đi mua 01 cái điện thoại di động và quần áo cho N sử dụng. Sau khi mua xong, L đưa N đến căn nhà trọ trên để ở và giao cho Hoàng T canh giữ, cho đến ngày 17/7/2018 thì bị bắt. Trong quá trình ở tại đây, ngày 13/7/2018 L và T phát hiện N đã lên gọi điện thoại về nhà nên L dùng chân đạp 01 cái trứng vào người của N rồi lấy lại chiếc điện thoại của N đưa cho T cất giữ. Đến ngày 14/7/2018 L

chở T và N đến phòng trọ của L và T uống bia thì N bỏ trốn rồi bị bắt lại được nên L cùng với T đưa N về căn nhà trên, tại đây L và T dùng tay đánh nhiều cái trứng vào người của N rồi giao cho T dùng ổ khóa, khóa cửa bên trong lại, canh giữ không cho N bỏ trốn còn L thì đi về phòng trọ ngủ.

2. *Ngô Tấn T*; sinh ngày 20/8/2001: Vào ngày 15/7/2018, Danh H (Đ) dẫn T đến gặp L và T xin đi ghe biển thì L và T đồng ý nên T đưa tiền cho T tạm ứng trước 1.000.000 đồng để cho L dẫn T đi xăm mình, sau khi xăm mình xong, L đưa T về căn nhà trên giao cho T canh giữ, không cho T bỏ trốn.

3. *Danh N*: Vào ngày 16/7/2018 Phan Thị N dẫn N đến căn nhà trên thì gặp T tại đây và giới thiệu là chồng của N nên N gửi N ở lại đây cùng với T cho đến khi bị bắt.

4. *Hứa Văn P*: Là ngư ngừ đã được L và T đưa đi ghe biển trước đó nhưng do P bị bệnh nên L cùng với Nguyễn Văn T (con riêng của T) đi đến Cà Mau rước P về. Khi về đến nơi là khoảng 10 giờ ngày 17/7/2018, L đưa P vào căn nhà trên cho T canh giữ, đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì bị bắt. Trong quãng thời gian này, T rủ Lê Ngọc H đến tổ chức uống bia tại đây chung với N, T, P và Danh N. Khi uống được một lúc thì T và H xảy ra mâu thuẫn với nhau nên T dùng tay đánh 01 cái trứng vào người của P, còn H thì nhặt lấy 01 đoạn gỗ vuông có chiều dài 46^{cm}, chiều rộng 4,7^{cm} tại đây đánh 04 cái trứng vào 02 chân của P gây thương tích rồi tắt cả nghỉ uống bia, T dùng ổ khóa, khóa cửa bên trong lại rồi giữ chìa khóa không cho ai bỏ trốn.

Tại bản Kết luận giám định Pháp Y về thương tích số: 119/TgT, ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Trung tâm Pháp Y tỉnh HG đối với anh Võ Văn N; sinh năm 1980 đã kết luận:

“Dấu hiệu chính tại thời điểm giám định:

- Đa chấn thương phần mềm.
- Gãy xương chính mũi.

1. Tỷ lệ thương tích gây tổn hại đến sức khỏe hiện tại. Theo TT số 20/2014/TT-BYT điểm 3.1, mục II, chương 13 là: 09%.

2. Vật gây thương tích: Do vật tày gây nên.

3. Khúc gỗ có hình vuông chiều dài 46^{cm}, chiều rộng 4,7^{cm} là vật tày”.

Tại bản Kết luận giám định Pháp Y về thương tích số: 118/TgT, ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Trung tâm Pháp Y tỉnh HG đối với anh Hứa Văn P; Sinh năm 1989 đã kết luận:

“- Dấu hiệu chính tại thời điểm giám định:

Đa vết thương phần mềm.

1. Tỷ lệ thương tích gây tổn hại đến sức khỏe hiện tại. Theo TT số 20/2014/TT-BYT điểm 1, mục I, chương 9 là: 03% (Ba phần trăm).

2. Vật gây thương tích: Do vật tày gây nên.

3. Khúc gỗ có hình vuông chiều dài 46^{cm}, chiều rộng 4,7^{cm} là vật tày”

Đối với thương tích của anh Võ Văn N và anh Hứa Văn P, sau khi vụ án xảy ra, anh N và anh P không yêu cầu xử lý hình sự đối với Lê Vũ L, Nguyễn Hoàng T và Lê Ngọc H. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CT không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với L, T và H về hành vi cố ý gây thương tích là phù hợp.

Đối với Phan Thị N là người trực tiếp dẫn Danh N đến ở tại căn nhà trên cùng với T nhưng xét thấy hành vi của N đưa N đến thì L và T không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CT không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với N cũng như việc làm của L và T là phù hợp

Về vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 thanh gỗ có hình vuông màu vàng chiều dài 46^{cm}, chiều rộng 4,7^{cm} và 01 ổ khóa nhãn hiệu Việt Tiệp màu vàng, trắng có gắn chìa khóa

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án bị phát hiện, các bị hại Võ Văn N và Hứa Văn P không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường do đó không xem xét.

Đối với em Ngô Tấn T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường ngày công lao động tổng cộng là 900.000 đồng

Tại bản cáo trạng số: 03/CT- VKS - CT ngày 10/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân CT, tỉnh KG đã truy tố các bị cáo Lê Vũ L, Nguyễn Hoàng T và Nguyễn Thị Bích T về tội: “Giữ người trái pháp luật” theo điểm a, đ, e khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố các bị cáo Lê Vũ L, Nguyễn Hoàng T và Nguyễn Thị Bích T phạm tội: “Giữ người trái pháp luật”.

Và đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Áp dụng điểm a, đ, e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Vũ L** từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

2/ Áp dụng điểm a, đ, e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Bích T** từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 05 năm.

3/ Áp dụng điểm a, đ, e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng T** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 585 và Điều 590 Bộ luật dân sự xử, buộc các bị cáo bồi thường tiền ngày công lao động cho em Ngô Tấn T với số tiền 900.000 đồng, các bị cáo đã nộp xong.

Về biện pháp tư pháp đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử tịch thu tiêu hủy 01 thanh gỗ có hình vuông màu vàng chiều dài 46^{cm}, chiều rộng 4,7^{cm} và 01 ổ khóa nhãn hiệu Việt Tiệp màu vàng, trắng có gắn chìa khóa.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Riêng ông **Phạm Văn C** - Luật sư thuộc đoàn Luật sư tỉnh KG bào chữa cho bị cáo L và T có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát như sau:

- Về tội danh mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT truy tố bị cáo L và T về tội “Giữ người trái pháp luật” được quy định khoản a, đ, e khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự là chưa thật sự phù hợp, bởi giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ lại với nhau để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, chỉ nên truy tố các bị cáo ở 02 tình tiết định khung được quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự là phù hợp.

- Còn về phần hình phạt mong HĐXX xem xét các vấn đề như sau: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân các bị cáo tốt, không có tiền án tiền sự, các bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả cho người bị hại nên mong HĐXX xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho hai bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo L mức án thấp hơn mức án mà VKS đề nghị, còn đối với bị cáo T thì áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự, Luật sự thống nhất với việc VKS đề nghị cho bị cáo T được hưởng án treo, tuy nhiên mức án mà VKS đề nghị đối với bị cáo T là quá cao, bởi bị cáo T phạm tội với vai trò thứ yếu, bị cáo T

lại mới sanh con chưa đầy 02 tháng nên đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo T.

Các bị cáo L và T không bổ sung gì thêm về quan điểm bào chữa của Luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến tranh luận với Luật sư: Việc đại diện Viện kiểm sát truy tố các bị cáo phạm tội có tổ chức được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự là có căn cứ, bởi trước khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã có sự chuẩn bị phòng trợ, giữa các bị cáo có sự phân công quản lý người với nhau. Do đó, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố của mình.

Các bị cáo được nói lời nói sau cùng, các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện CT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản Cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Lê Vũ L và Nguyễn Thị Bích T chung sống với nhau như vợ chồng tại nhà trọ của ông Trần Văn H trú tại ấp AB, xã BA, huyện CT, tỉnh KG. Trong thời gian chung sống cả hai làm nghề giới thiệu đưa ngư phủ đi ghe biển để hưởng hâu hồng. Do các ngư phủ không có nơi ở tạm nên L và T thuê thêm 01 căn phòng trọ của ông H để cho các ngư phủ ở nhưng sợ các ngư phủ bỏ trốn nên từ ngày 11/7/2018 cho đến ngày 17/7/2018 L và T đã giữ anh Võ Văn N; em Ngô Tấn T và anh Hứa Văn P trong căn phòng trọ trên rồi sau đó giao ổ khóa và phân công Nguyễn Hoàng T nhiệm vụ

canh giữ các ngư phủ này không cho họ tự do đi lại. Đến khoảng 15 giờ, ngày 17/7/2018 Công an huyện CT tiến hành kiểm tra và bắt quả tang T đang tạm giữ anh N, em T và anh P tại căn nhà trọ của ông H. Đối chiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự thì “Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

.....

đ) Đối với 02 người trở lên;

e) Đối với người dưới 18 tuổi,

Như vậy việc các bị cáo câu kết chặt chẽ lại với nhau rồi thuê phòng trọ để giữ các bị hại (trong đó có bị hại chưa đủ 18 tuổi) không cho họ tự do đi lại đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giữ người trái pháp luật” được quy định tại điểm a, e, đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự như đã viện dẫn như trên.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những trực tiếp xâm hại đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây hoang mang lo sợ cho các ngư dân sinh sống bằng nghề đi ngư phủ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Các bị cáo nhận thức được việc “Giữ người trái pháp luật” là hành vi sai trái nên pháp luật nghiêm cấm. Thế nhưng chỉ vì lo sợ các ngư phủ nhận tiền đi ghe biển rồi bỏ trốn mà câu kết lại với nhau thuê nhà trọ để giữ các ngư phủ không cho họ tự do đi lại.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo HĐXX nhận thấy: Bị cáo L và T là người chủ mưu trực tiếp gặp các ngư phủ để thỏa thuận đi ghe biển và cũng là người đứng ra thuê nhà trọ để cho các bị hại ở rồi sau đó giao ổ khóa và phân công T canh giữ các bị hại nên cần xem xét mức án của các bị cáo nghiêm hơn bị cáo còn lại mới là thỏa đáng, còn đối với bị cáo T với vai trò đồng phạm giúp sức tích cực trong việc giữ các bị hại như nhiệm vụ mà bị cáo L và T đã phân công nên cũng cần xem xét mức án tương xứng đối với bị cáo mới là phù hợp.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, nhận thấy vào năm 2010 bản thân bị cáo L bị Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh KG xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp tài sản” tuy đã được xóa án tích nhưng qua đây cần xem xét về thân nhân bị cáo khi lượng hình là phù hợp.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội các bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả cho người bị hại nên các bị cáo được các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, riêng bị cáo T và Hoàng T là người có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự nên các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên HĐXX sẽ áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, chuyển sang khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật cho các bị cáo, ngoài ra hiện tại bị cáo T mới sinh con chưa đầy 02 tháng tuổi, hành vi phạm tội của bị cáo hiện không còn nguy hiểm cho xã hội nữa, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên đối chiếu theo Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo có đủ điều kiện để được áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự, không cần thiết phải cách ly bị cáo T ra khỏi đời sống xã hội mà để cho bị cáo tự thân học tập, cải tạo giáo dục tại địa phương cũng đã đủ nghiêm.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên, nhận thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xem xét áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ thêm một phần hình phạt cho các bị cáo cũng là phù hợp.

[7] Xét quan điểm bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo L và T là có căn cứ. Tuy nhiên việc Luật sư đề nghị HĐXX không áp dụng tình tiết định khung là phạm tội có tổ chức được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự là không có đủ cơ sở để chấp nhận, bởi trước khi thực hiện hành vi phạm tội giữa các bị cáo đã có sự câu kết chắc chẽ với nhau, các bị cáo đã có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cũng như chuẩn bị phòng trợ để giữ người bị hại không cho bị hại bỏ trốn... Do đó, HĐXX chỉ chấp nhận một phần đề nghị của Luật sư.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại em Ngô Tấn T cũng như người đại diện hợp pháp của em T bà Trình Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng theo đơn cũng như trong hồ sơ có thể hiện rõ là em T yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền ngày công lao động cho em với số tiền 900.000 đồng, ngoài ra không

yêu cầu gì thêm, các bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên theo yêu cầu của em T nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[9] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Đối với 01 thanh gỗ có hình vuông màu vàng chiều dài 46^{cm}, chiều rộng 4,7^{cm} và 01 ổ khóa nhãn hiệu Việt Tiệp màu vàng, trắng có gắn chìa khóa đây là vật chứng sử dụng phạm tội đến nay không còn giá trị sử dụng nên cần xử tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[10] Về án phí: Xử buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, đ, e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Vũ L phạm tội: “Giữ người trái pháp luật”.

1/ Xử phạt bị cáo **Lê Vũ L 02** (hai) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 18/7/2018.

Căn cứ vào điểm a, đ, e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Bích T phạm tội: “Giữ người trái pháp luật”.

2/ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Bích T 01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **03** (ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Bích T cho Ủy ban nhân dân xã BA, huyện CT, tỉnh KG giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Căn cứ vào điểm a, đ, e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội: “Giữ người trái pháp luật”.

3/ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng T 01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 18/7/2018.

Về trách nhiệm dân sự áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 585 và 590 Bộ luật Dân sự, xử buộc các bị cáo Lê Vũ L, Nguyễn Thị Bích T và Nguyễn Hoàng T phải bồi thường cho em Ngô Tấn T số tiền 900.000 đồng, các bị cáo được khấu trừ số tiền trên theo biên lai thu tiền số: 09444 ngày 06/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT.

Về biện pháp tư pháp áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử tịch thu tiêu hủy 01 thanh gỗ có hình vuông màu vàng chiều dài 46^{cm}, chiều rộng 4,7^{cm} và 01 ổ khóa nhãn hiệu Việt Tiệp màu vàng, trắng có gắn chìa khóa.

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số: 02/QĐ-VKSCT ngày 10/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh KG.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử buộc các bị cáo Lê Vũ L, Nguyễn Thị Bích T và Nguyễn Hoàng T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại, người đại diện hợp pháp cho người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các bị cáo; bị hại, NĐDHPCNBH và NLQ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Mai Tấn Đầu